TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH
Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 28-03-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hải Anh;

Bà Đặng Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi ở: TDP số C (Thôn N), thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định; "có đơn xin vắng mặt"

Bị đơn: Vợ chồng anh Vũ Văn C, sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị C1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. "vắng mặt"

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Văn V, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. "vắng mặt"

Đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Văn V: Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi ở: TDP số C (Thôn N), thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định; (Văn bản ủy quyền ngày 15-10-2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-07-2024, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đoàn Thị M trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên vợ chồng anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị C1 có sang nhà bà M hỏi vợ chồng bà M vay tiền để chi tiêu cho gia đình. Ngày 21-07-2018 âm lịch (ÂL), vợ chồng anh C1, chị C1 vay của vợ chồng bà M tổng số tiền 30.000.000 đồng, hai bên có lập giấy nhận tiền, vợ chồng anh C1 và chị C1 đã ký tên vào giấy nhận tiền. Trong Giấy nhận tiền không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất theo quy định 20%/năm. Thỏa thuận thời hạn trả gốc là ngày 21-12-2018 (ÂL) vợ chồng anh C1 phải trả số tiền gốc cho vợ chồng bà M. Bà M đã giao tiền cho vợ chồng anh C1 nhận. Quá trình thực hiện hợp đồng từ khi vay cho đến nay thì vợ chồng anh C1 chưa trả được số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi cho vợ chồng bà M. Bà M đã gặp và đòi tiền vợ chồng anh C1 nhiều lần nhưng vợ chồng anh C1 khất lần, đến nay vẫn chưa trả được tiền gốc và lãi cho vợ chồng bà M. Vợ chồng anh C1 đã vi phạm nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi. Do đó, bà M đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị C1 phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc 30.000.000đ và tiền lãi của số tiền 30.000.000đ theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 21-12-2018 (ÂL) đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Vũ Văn C trình bày: Do có mối quan hệ quen biết là hàng xóm của nhau nên ngày 21-07-2018 âm lịch (ÂL), vợ chồng anh có vay của vợ chồng bà M số tiền mặt là 30.000.000 đồng. Anh C công nhận vợ chồng anh có vay nợ gốc của vợ chồng bà M, ông V là 30.000.000 đồng và hai bên có lập giấy nhận tiền, việc vay nợ không thỏa thuận lãi suất. Anh C xác nhận chữ ký của vợ chồng anh trong giấy vay tiền đề ngày 21-07-2018 (ÂL) và hứa trả tiền vào ngày 21-12-2018 (ÂL) nhưng đến nay vợ chồng anh chưa trả được số tiền gốc như bà M trình bày là đúng. Lý do vợ chồng anh chưa trả được là do làm ăn khó khăn, anh C hứa vợ chồng anh sẽ có trách nhiệm trả số tiền 30.000.000 đồng cho vợ chồng bà M. Do vợ anh đi làm công ty nên anh sẽ thay mặt cả vợ anh trong việc giải quyết vụ án tại Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn chị Nguyễn Thị C1 nhận các tài liệu gồm: Thông báo thụ lý vụ án số 52/TB-TLVA ngày 29 tháng 10 năm 2024, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị C1. Chị C1 đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị C1 không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà M. Tại bản tự khai anh C1 chồng

của chị Nguyễn Thị C1 trình bày do chị C1 đi làm công ty nên anh nhận trách nhiệm sẽ thay mặt cả vợ anh trong việc giải quyết vụ án tại Tòa án.

Tại phiên tòa: Bà M có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nam Trực thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và diễn biến tại phiên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 166; 357, 463; 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với vợ chồng anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị C1.

Buộc vợ chồng anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị C1 phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Đoàn Thị M và ông Đoàn Văn V số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 18.517.808 đồng, tổng số tiền nợ gốc và lãi là 48.517.808 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh C1 và chị C1 phải nộp 2.425.890đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đoàn Thị M là nguyên đơn đồng thời là đại diện của ông Đoàn Văn V có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Vũ Văn C, chị Nguyễn Thị C1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp với khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng bà Đoàn Thị M, ông Đoàn Văn V và vợ chồng anh Vũ Văn C, chị Nguyễn Thị C1 lập bởi giấy nhận tiền ngày 21-7-2018 và lời khai của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ cơ sở xác định vợ chồng anh C1 và chị C1 có vay số tiền gốc 30.000.000đ của vợ chồng bà M, ông V là sự việc có thật và phù hợp pháp luật. Việc vay nợ giữa vợ chồng anh C1 và vợ chồng bà M, ông V được chứng minh bằng giấy nhận tiền bản chính bà M nộp cho Tòa án làm căn cứ. Anh C1 cũng thừa nhận giấy nhận tiền là đúng chữ viết, chữ ký của vợ chồng anh. Trong giấy có ghi nội dung là anh C1 hứa xin việc cho con anh V đến ngày 21-12-2018 phải hoàn tất công việc, nếu sai hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và sẽ phải trả lại số tiền 30.000.000 đồng nhưng thực chất là việc vay nợ giữa vợ chồng bà M và vợ chồng anh C1 vì tại bản tự khai anh C1 thừa nhận vợ chồng anh có vay nợ của vợ chồng bà M số tiền 30.000.000 đồng đến nay chưa trả. Quá trình giải quyết vụ án, chị C1 đã biết việc bà M khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền nợ gốc 30.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật nhưng chị C1 không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ bản thân chị C1 cũng công nhận khoản vay nợ này và cũng chấp nhận với các yêu cầu của bà M. Phía anh C1 công nhận vợ chồng anh chị đã vay của vợ chồng bà M số tiền nợ gốc là 30.000.000đ nhưng do làm ăn khó khăn khi đến hạn trả nợ vợ chồng anh C1 chưa trả được số tiền gốc này cho vợ chồng bà M như bà M trình bày là đúng. Anh C1 hứa vợ chồng anh sẽ có trách nhiệm trả số tiền 30.000.000 đồng cho vợ chồng bà M và xin được trả dần.

Do đó, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, yêu cầu của bà M buộc vợ chồng anh C1 phải trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc 30.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Tại giấy nhận tiền ngày 21-7-2018 (ÂL) các bên không thỏa thuận về lãi suất mà anh C1 chỉ hứa sẽ trả hết số tiền gốc 30.000.000đ cho vợ chồng bà M vào ngày 21/12/2018 (ÂL) nếu không thực hiện được việc xin việc cho con anh V. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đều trình bày thống nhất về thời gian trả nợ gốc đúng như trong giấy nhận tiền nhưng về việc thực hiện trả lãi thì các bên trình bày chưa thống nhất. Bà M trình bày khi cho vợ chồng anh C1 vay tiền có thỏa thuận miệng lãi suất là 20%/năm, anh C1 trình bày khi vay tiền của vợ chồng bà M không có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, các đương sự không yêu cầu tính lại lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tính lại lãi. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh C1 phải trả lãi cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 30.000.000đ và tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền nợ gốc 30.000.000đ. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng bà M và vợ chồng anh C1 là hợp đồng vay không có lãi nhưng có xác định thời hạn trả nợ gốc nên cần xem

xét tính mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 21-12-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tính lãi: Từ ngày 21-12-2018 (âm lịch) đến ngày 28-03-2025 dương lịch (29-02-2025 âm lịch) là 74 tháng 02 ngày, số tiền vay gốc 30.000.000 đồng:

30.000.000đ x 10%/năm x (74 tháng + 02 ngày) = 18.517.808 đồng.

[4] Từ những phân tích nêu trên: Hội đồng xét xử thấy, cần buộc vợ chồng anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị C1 phải trả cho vợ chồng bà M, ông V số tiền nợ gốc 30.000.000đồng và lãi 18.517.808 đồng, tổng số tiền nợ gốc và lãi là 48.517.808 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 166; 357, 463; 466; 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn vợ chồng anh C1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Đoàn Thị M theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166; 357, 463; 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với vợ chồng anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị C1 số tiền nợ gốc 30.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật là hợp pháp.

2. Buộc vợ chồng anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị C1 phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Đoàn Thị M và ông Đoàn Văn V số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và số nợ lãi là 18.517.808 đồng, tổng số tiền nợ gốc và lãi là 48.517.808 đồng (Bốn mươi tám triệu, năm trăm mười bảy nghìn, tám trăm linh tám đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc vợ chồng vợ chồng anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị C1 phải nộp 2.425.890 đồng (hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho bà Đoàn Thị M số tiền 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số 0005197 ngày 29-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Anh **Đặng Thị Thu Hương** **Phạm Thúy Nga**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Nam Tiến;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thúy Nga